

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - LUẬT

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ
DÙNG CHO HỆ ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG*

Mã học phần: 198030

Số tín chỉ: 02

Thanh Hóa, tháng 11/2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Trình độ đào tạo: Đại học)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	
Tên tiếng Việt: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of Viet Nam	
Mã học phần: 198030	
Học phần	Bắt buộc
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng	Giáo dục đại cương
Số tín chỉ	2
Tổng số tiết tín chỉ	39
- Số tiết lý thuyết	21
- Số tiết thảo luận/bài tập/thực hành	18
- Số tiết tự học	117
Số tiết các hoạt động khác	
Học phần tiên quyết	Triết học Mác Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học.
Học phần kế tiếp	
Bộ môn quản lý học phần	Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, email	Ghi chú
1	Th.S. Nguyễn Thị Tâm	Bộ môn LSD- TTHCM	0984722740 nguyenthitam@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	Th.S. Vũ Thị Lan	Bộ môn LSD- TTHCM	0935173577 vuthilan@hdu.edu.vn	Tham gia
3	Th.S. Nguyễn Thị Lan Anh	Bộ môn LSD- TTHCM	0904434168 nguyenthilananhct@hdu.edu.vn	Tham gia
4	Th.S. Lê thị Anh	Bộ môn LSD- TTHCM	0823523969 lethianh@hdu.edu.vn	Tham gia
5	Th.S. Đặng Thùy Vân	Bộ môn LSD- TTHCM	0914343283 dangthuyvan@hdu.edu.vn	Tham gia
6	Th.S. Nguyễn Thị Hồng	Bộ môn LSD- TTHCM	0857465235 nguyenthihongct@hdu.edu.vn	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam bao gồm 4 như sau:

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Chương 1: Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945).

Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975).

Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần (CLO)	Mô tả chi tiết CĐR HP
Kiến thức (CLO1)	
CLO1.1	Nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng.
CLO1.2	Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo của Đảng trong đường lối cách mạng Việt Nam.
CLO1.3	Đánh giá được thành tựu và hạn chế của cách mạng Việt Nam do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo
CLO1.4	Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra
Kỹ năng (CLO2)	
CLO2.1	- Xác lập và củng cố được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.
CLO2.2	Có khả năng vận dụng kiến thức lý luận của môn học để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhận diện, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch
Mức tự chủ và trách nhiệm (CLO3)	
CLO3.1	Có nguyên tắc đạo đức cá nhân
CLO3.2	Có tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp

5. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật. (Q1)

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia. (Q2)

- Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia. (Q3)

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp Tự luận/trắc nghiệm	Đề và đáp/ Rubric 1, 3	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Bài tập luận nhóm hoặc bài thu hoạch cá nhân	Rubric 2	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric 4	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Bài kiểm tra 1 tiết (- Tự luận /Trắc nghiệm trên giấy)	Rubic3/Đề thi và đáp án	CLO1 CLO2 CLO3	20%
Thi cuối kỳ				
1	Thi trắc nghiệm Hoặc Bài tập lớn theo quy định	Đề thi và đáp án/ Rubric 5	CLO1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP (CLO)	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử ĐCSVN</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử ĐCSVN</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu,</p>	1	Lý thuyết	CLO 1	Q1	Đọc và tổng hợp chương nhập môn

học tập môn học Lịch sử ĐCSVN					
	0	Thảo luận			
II. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học Lịch sử ĐCSVN IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử ĐCSVN	5	Tự học	CLO1 CLO2 CLO3		Đọc tài liệu và trình bày chi tiết vào vở tự học
Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) 1. Bối cảnh lịch sử a, Tình hình thế giới b, Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng <i>- Tình hình Việt Nam</i> 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng c. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935 b. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương,	5	Lý thuyết	CLO 1	Q1, Q2, Q3	Đọc và tổng hợp chương 1 Q1

<p>tháng 10/1930</p> <p>2. Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>a. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng</p> <p>3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945</p> <p>a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng</p> <p>c. Cao trào kháng Nhật cứu nước</p>					
<p>1.Phân tích và chứng minh sự ra đời của Đảng Cộng (sản Việt Nam là tất yếu khách quan</p> <p>2. Trình bày quan điểm của anh /chị về ý kiến cho rằng: “Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam thắng lợi là nhờ sự ăn may”</p>	4	Thảo luận	CLO1, CLO2 CLO3	Q1, Q2	<p>- Chuẩn bị vào giấy những nội dung thảo luận.</p> <p>- Chia nhóm từ 8 - 10 người thảo luận và viết biên bản thảo luận nhóm.</p>
<p>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930)</p> <p>1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>b, Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng</p> <p><i>- Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng</i></p> <p>3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>a. Các tổ chức cộng sản ra đời</p> <p>b. Hội nghị thành lập Đảng</p>	25	Tự học	CLO1, CLO2 CLO3	Q1, Q2	<p>Đọc tài liệu và trình bày chi tiết vào vở tự học.</p>

<p>Cộng sản Việt Nam</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935</p> <p>a. Phong trào cách mạng năm 1930-1931</p> <p>c. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ I (3/1935)</p> <p>2. Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình</p> <p>3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945</p> <p>b. Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang</p> <p>d. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p> <p>4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945</p>					
<p>Kiểm tra đánh giá nhận thức của sinh viên về những nội dung đã học</p>		<p>Kiểm tra, đánh giá</p>	<p>CLO1, CLO2 CLO3</p>		<p>Chuẩn bị ra giấy KT 20’.</p>
<p>Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng</p>	<p>6</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>CLO1,</p>	<p>Q1, Q2</p>	<p>Đọc và tổng hợp chương 2 Q1</p>

<p>dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946</p> <p>a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945</p> <p>b. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng</p> <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)</p> <p>a. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng</p> <p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954)</p> <p>a. Đại hội lần thứ II và Chính cương của Đảng (2/1951)</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược , giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954 - 1965)</p> <p>a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960)</p> <p>- <i>Hoàn cảnh nước ta sau tháng</i></p>										
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>7/1954 (trang 180-181)</p> <p>b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thể tiến công của cách mạng miền Nam (1961 - 1965)</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng</p> <p>2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 - 1975)</p> <p>a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng</p>					
<p>1. Sách lược hòa hoãn của Đảng ta trong giai đoạn 1945 – 1946.</p> <p>2. Cơ sở khoa học, nội dung và ý nghĩa thực tiễn của phương châm “kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính” giai đoạn 1946-1950</p> <p>3. Công cuộc xây dựng CNXH ở Miền Bắc GD 1954-1965</p>	6	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3	Q1, Q2, Q3	<p>- Chuẩn bị vào giấy những nội dung thảo luận.</p> <p>- Chia nhóm từ 8 - 10 người thảo luận và viết biên bản thảo luận nhóm.</p>
<p>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946</p> <p>c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ</p> <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)</p> <p>b. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến (1947-1950)</p>	30	Tự học	CLO1, CLO2, CLO3	Q1, Q2, Q3	<p>Đọc tài liệu và trình bày chi tiết vào vở tự học</p>

<p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954)</p> <p>b. Đảng đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt</p> <p>c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược , giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954 - 1965)</p> <p>a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960)</p> <p><i>- Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1954-1960)</i></p> <p><i>- Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960)</i></p> <p>b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961 - 1965)</p> <p><i>- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở</i></p>									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p><i>miền Bắc (1961-1965)</i></p> <p>- <i>Phát triển thể tiến công của cách mạng miền Nam (1961 - 1965)</i></p> <p>2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 - 1975)</p> <p>b. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thể chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1968)</p> <p>c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975</p>					
<p>Kiểm tra đánh giá nhận thức của sinh viên về những nội dung đã học</p>		<p>Kiểm tra, đánh giá</p>	<p>CLO1, CLO2 CLO3</p>		<p>Chuẩn bị ra giấy KT.</p>
<p>Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)</p> <p>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981</p>	<p>9</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>CLO1</p>	<p>Q1, Q2</p>	<p>Đọc và tổng hợp chương 3 Q1</p>

<p>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976) và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p> <p><i>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng</i></p> <p>2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986</p> <p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982) và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p><i>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982)</i></p> <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)</p> <p>1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996</p> <p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện</p> <p><i>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986)</i></p> <p>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)</p>									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>- <i>Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996)</i></p> <p>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước</p> <p>- <i>Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001)</i></p> <p>c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p>- <i>Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006)</i></p> <p>d. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991</p> <p>e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động, hội nhập quốc tế</p> <p>f. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa</p>					
<p>1. Phân tích thách thức của cách mạng Việt Nam được xác định trong Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ khóa VII</p> <p>2. Phân tích quan điểm của</p>	8	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3	Q1, Q2, Q3	<p>- Chuẩn bị vào giấy những nội dung thảo luận.</p> <p>- Chia nhóm</p>

<p>Đảng tại HNTW5 khóa VIII về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (7/1998)</p> <p>3. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ đổi mới</p> <p>4. Hãy chứng minh rằng đường lối đổi mới của Đảng ta cơ bản là đúng đắn</p>					<p>từ 8 - 10 người thảo luận và viết biên bản thảo luận nhóm.</p>
<p>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981</p> <p>a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước</p> <p>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976) và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p> <p>– <i>Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</i></p> <p>2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986</p> <p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982) và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p>- <i>Quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ V</i></p> <p>b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế</p> <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp</p>	<p>45</p>	<p>Tự học</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3</p>	<p>Q1, Q2</p>	<p>Đọc tài liệu và trình bày chi tiết vào vở tự học</p>

<p>hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)</p> <p>1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996</p> <p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện</p> <p><i>- Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện</i></p> <p>c. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng</p> <p>2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)</p> <p>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p><i>- Bước đầu thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i></p> <p>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước</p> <p><i>- Tiếp tục thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i></p> <p>c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p><i>- Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006)</i></p> <p>d. Đại hội đại biểu toàn quốc</p>									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991</p> <p>- <i>Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011)</i></p> <p>e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động, hội nhập quốc tế</p> <p>- <i>Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016)</i></p> <p>f. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>- <i>Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021)</i></p> <p>3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <p>Kết luận</p>					
<p>Kiểm tra đánh giá nhận thức của sinh viên về những nội dung đã học</p>		<p>Kiểm tra, đánh giá</p>	<p>CLO1, CLO2 CLO3</p>		<p>Chuẩn bị ra giấy KT.</p>

8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có đủ 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

9. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày 22 tháng 8 năm 2023</i>	Người cập nhật Nguyễn Thị Tâm
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

TRƯỞNG KHOA
(Đã ký)

Lê Văn Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tâm

NHÓM BIÊN SOẠN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tâm

Phụ lục rubric đánh giá

Rubric R1: Chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% = 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Rubric R2: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

		và logic	nhưng còn một vài sai sót quan trọng	nhỏ	
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt thực sự chia sẻ hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

Rubric R3: Bài tập cá nhân/ thực hành/tự học

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ,	3,0	Không thực hiện các nhiệm vụ,	Thực hiện 50 - 80% các nhiệm vụ	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ,	Thực hiện tốt các nhiệm vụ,

đúng hạn		không nộp sản phẩm	vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.	Mới chỉ nêu được tưởng.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

Rubric R4: Thuyết trình nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3,0	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức

Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

Rubric R5: Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5,0	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3,0	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra